

Số: **91** /BC-BCH

Thái Nguyên, ngày **30** tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai năm 2018.

Thực hiện Công văn số 172/TWPCTT ngày 15/11/2017 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về việc Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai năm 2018. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh Thái Nguyên báo cáo các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NĂM 2017.

1. Tình hình thời tiết, thiên tai.

Qua công tác thống kê, tổng hợp đến nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã ghi nhận xuất hiện các loại hình thiên tai và các đợt thiên tai sau:

* *Không khí lạnh, rét hại*: Có 9 đợt không khí lạnh gây ra 3 ngày rét đậm (từ ngày 12/01 đến ngày 13/01 và ngày 25/02).

* *Bão, áp thấp nhiệt đới*: Từ đầu năm 2017 đến nay trên khu vực biển Đông đã xuất hiện 13 cơn bão, trong đó có 2 cơn bão và 1 ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Thái Nguyên (hoàn lưu các cơn bão số 02 từ ngày 17/7 đến ngày 18/7, cơn bão số 06 từ ngày 24/8 đến ngày 25/8 và hoàn lưu ATNĐ từ ngày 25/9 đến ngày 26/9), các cơn bão và ATNĐ đều gây mưa lớn trên địa bàn tỉnh.

* *Lũ*: Trên sông Cầu xuất hiện 15 đợt lũ.

* *Hạn hán*: Vụ Đông – Xuân 2016-2017 diện tích cây trồng có khả năng bị hạn toàn tỉnh là 5.736 ha, trong đó tập trung các huyện như: Võ Nhai 1.200 ha; Đồng Hỷ 745 ha; Thành phố Thái Nguyên 803 ha; Định Hóa 1.209 ha ...

* *Nắng nóng*: Xảy ra 02 đợt nắng nóng, đặc biệt đợt nắng nóng từ ngày 01/6 đến ngày 05/6 dẫn đến cháy rừng tại huyện Đại Từ.

* *Mưa lớn, giông, lốc xoáy, sạt lở đất, sét*: Có 18 đợt mưa giông, lốc sét và sạt lở đất. Một số đợt gây ra thiệt hại về người và tài sản như:

+ Mưa dông kèm gió lốc xảy ra vào khoảng 19h ngày 18/3 trên địa bàn huyện Đại Từ; Rạng sáng ngày 09/5 tại huyện Phú Bình và thành phố Sông Công; Chiều và đêm ngày 06/6 trên địa bàn TP. Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hóa và Phú Lương; Từ chiều ngày 07/7 đến ngày 12/7 tại các huyện Định Hóa, Phú Lương, Phú Bình và thị xã Phổ Yên.

+ Mưa lớn rạng sáng ngày 22/5 trên địa bàn huyện Đồng Hỷ xảy ra sạt lở bùn bãi thải mỏ sắt Trại Cau; Sáng ngày 23/6 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ gây ngập úng cục bộ một số tuyến đường trung tâm thành phố Thái Nguyên; Từ đêm 24/8 đến sáng ngày 25/8 (ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 06) trên địa bàn các huyện Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương và thị xã Phổ Yên.

+ Sét đánh gây thiệt hại về người vào chiều tối ngày 14/6 và 15/6 trên địa bàn huyện Định Hóa và huyện Đại Từ; vào hồi 13h30' ngày 03/8 trên địa bàn huyện Phú Bình; khoảng 10h sáng ngày 04/9/2017 trên địa bàn huyện Võ Nhai; Sáng ngày 03/10/2017 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

+ Các ngày từ 25 đến 30/6 đã xảy ra mưa to đến rất to kèm theo gió lốc trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên, huyện Đồng Hỷ, Phú Lương và huyện Đại Từ gây sụt lún, sạt lở đất...

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.1. Thiệt hại về người: 11 người chết (07 người do lũ cuốn trôi, 04 người do sét đánh), 03 người bị thương (do sét đánh).

2.2. Thiệt hại về tài sản:

+ **Về nhà ở:** 917 nhà bị tốc mái, 635 nhà bị ngập, 335 nhà bị ảnh hưởng do sạt lở đất, cây đổ và sét đánh.

+ **Về công, nông, lâm nghiệp:** 1ha khu nhà lưới bị đổ sập ảnh hưởng đến 6.000m² hoa màu; cháy 11ha rừng, thiệt hại trên 1.925 ha lúa và hoa màu; thiệt hại 2.140 cây ăn quả, 3.190 cây lấy gỗ, trên 32ha chè, 40,55ha rừng và cây trồng lâu năm; gãy đổ 26 cây xanh; 19 cột điện, 10 cột viễn thông bị đổ, hàng nghìn m đường dây điện đứt; gần 30.000 con gia súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi; 255,6ha nuôi trồng thủy sản bị ngập.

+ **Về văn hóa, giáo dục:** 30 điểm trường bị ảnh hưởng; 01 trụ sở phường và 02 nhà văn hóa bị tốc mái; 01 nhà văn hóa xóm 9 xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất; di tích lịch sử 27/7 huyện Đại Từ bị ảnh hưởng; di tích nhà tù Chợ Chu, huyện Định Hóa bị sạt lở.

+ **Về giao thông:** khoảng 250 điểm giao thông bị sạt lở, ngập úng, khối lượng đất đá bị sạt lở khoảng trên 150.000m³, chiều dài sạt lở khoảng 8.500m, ngập 2.980m đường giao thông; 1 cống tạm bị cuốn trôi; 27 cầu bị hư hỏng.

+ **Về thủy lợi:** Sạt lở, đổ trên 2.000m kênh, mương; 17 hồ, đập thủy lợi bị ảnh hưởng; 41 trạm bơm, công trình cấp nước bị hư hỏng.

+ **Về y tế:** 01 trạm y tế xã Tiên Hội huyện Đại Từ bị ảnh hưởng.

+ **Về thông tin, liên lạc:** Cột truyền thanh tại UBND xã Bộc Nhiêu huyện Định Hóa bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

+ **Các công trình khác:** khoảng 3.188m tường rào bị đổ; 01 pano hư hỏng; 01 nhà chợ 8 gian kết cấu cột gỗ bị đổ; Khu chợ phố Hích xã Hòa Bình huyện Đồng Hỷ sập nhiều gian hàng; huyện Đại Từ 01 biển tuyên truyền nông thôn mới bị đổ; Trại tạm giam K5 thuộc phân trạm Phú Sơn 4 bị ngập nhà ở của phạm nhân; làm cuốn trôi 01 xe ô tô 4 chỗ và 01 xe máy.

Ước thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trên 160 tỷ đồng (*Có Biểu thống kê các chỉ tiêu thiệt hại kèm theo*).

3. Công tác chỉ đạo, ứng phó, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 2327/CT-BNN-TCTL ngày 20/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống lũ 2017; Chỉ thị số 3199/CT-BNN-TCTL ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi. UBND tỉnh đã ban hành các Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 04/4/2017 về việc tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống lũ năm 2017 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/4/2017 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 16/8/2017 về việc tăng cường phòng ngừa đuối nước trên địa bàn tỉnh.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã ban hành 13 Công điện yêu cầu Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố, thị xã; các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp chủ động triển khai phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Thái Nguyên; Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Phê duyệt Quy chế trực phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; Thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão công trình hồ Núi Cốc tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017, phân công nhiệm vụ các thành viên của Ban Chỉ huy nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống lụt bão, chủ động ứng phó các sự cố có thể xảy ra đối với công trình hồ Núi Cốc.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tổ chức Hội nghị ký kết các Kế hoạch phối hợp hoạt động với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội Chữ thập đỏ và Tỉnh Đoàn Thái Nguyên.

- UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức lại Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên. Xây dựng văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã thực hiện thu nộp Quỹ phòng, chống thiên tai. Tính đến nay đã thu Quỹ được trên 5,0 tỷ đồng.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động rà soát, đánh giá và xác định các vùng có nguy cơ xảy ra thiên

tai (đã có 9/9 huyện, thành phố, thị xã tiến hành rà soát, kết quả đã xác định có khoảng 10.612 hộ gia đình với khoảng 35.424 người có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi các loại hình thiên tai); thống kê vị trí, địa điểm có nguy cơ mất an toàn khi có mưa, lũ, lũ quét xảy ra (kết quả rà soát có 399 cầu tràn, 59 cầu treo, 13 bến đò ngang có nguy cơ mất an toàn); xây dựng phương án phòng tránh, sơ tán dân ở vùng có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất khi có mưa lớn.

- Thực hiện triển khai công tác đánh giá nhanh về chỗ ở an toàn cho người dân miền núi theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tổ chức xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đến Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp huyện, xã triển khai đánh giá nhanh chỗ ở an toàn trên địa bàn quản lý. Qua số liệu tổng hợp báo cáo của các huyện, thành phố, thị xã, đến nay có 7/9 huyện, thành phố, thị xã đã hoàn thành khảo sát, đánh giá. Kết quả như sau:

+ Chỗ ở an toàn: 87.194 hộ.

+ Chỗ ở kém an toàn: 4.761 hộ.

+ Chỗ ở cần di dời khẩn cấp: 154 hộ (*trong đó: huyện Võ Nhai 8 hộ, thành phố Sông Công 1 hộ, huyện Phú Lương 16 hộ, thị xã Phổ Yên 84 hộ, huyện Đông Hy 9 hộ, huyện Định Hóa 36 hộ*).

- Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai từng ngành, lĩnh vực như: Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên, Ban Quản lý khu du lịch vùng hồ Núi Cốc, Viễn thông Thái Nguyên; đặc biệt Tỉnh Đoàn Thái Nguyên ban hành phát động hưởng ứng chiến dịch “Thanh niên tình nguyện” hè 2017, trong đó thành lập 02 đội thanh niên xung kích phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn TP Thái Nguyên; hiện nay đang tiếp tục nhân rộng mô hình thành lập thêm các đội tại các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê vật tư, phương tiện phòng chống thiên tai và nhu cầu vật tư của các đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, các Sở, Ban, ngành; Lãnh đạo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cùng chính quyền địa phương đã trực tiếp đến thăm hỏi, kịp thời động viên các gia đình có người chết do thiên tai gây ra với tổng số tiền là 60 triệu đồng.

- Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh huy động lực lượng, phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng tại chỗ tổ chức tìm kiếm người mất tích, cứu hộ, cứu nạn; hỗ trợ các hộ gia đình

bị ảnh hưởng khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất và đời sống; đảm bảo an toàn cho kỳ thi THPT Quốc gia diễn ra trên địa bàn tỉnh.

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã xây dựng, phát hành Danh bạ điện thoại phục vụ công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2017; Phối hợp với Trung tâm Thông tin tỉnh xây dựng Kế hoạch duy trì và thực hiện tuyên truyền trên chuyên trang thông tin “Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thái Nguyên”; Chương trình phối hợp thông tin tuyên truyền trên chuyên trang của Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tham mưu phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức thành công “Hội nghị Tổng kết công tác PCTT và TKCN năm 2016; phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2017”. Trình Bộ trưởng - Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai tặng Bằng khen cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống thiên tai năm 2016; Tổng hợp đề xuất khen thưởng tập thể cá nhân của các cơ quan, đơn vị trong công tác PCTT năm 2016, báo cáo Ban thi đua cấp trên xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác PCTT và TKCN 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2017. Tổ chức thực hiện nội dung Thông báo Kết luận số 110/TB-UBND ngày 05/7/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2017. Tổ chức Đoàn kiểm tra các công trình trọng điểm có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai trong mùa mưa lũ năm 2017 gồm: Mỏ than Phấn Mễ, mỏ than Khánh Hòa, mỏ sắt Trại Cau và Tháp truyền hình tỉnh.

- Tổ chức trực ban nghiêm túc tại Văn phòng Thường trực 24/24h; Kịp thời thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và tham mưu cho Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy chỉ đạo, ứng phó khi thiên tai xảy ra. Lắp đặt 09 trạm đo mưa tự động tại 9 xã của huyện Định Hóa nhằm nâng cao công tác ứng phó với mưa lớn khu vực vùng núi.

- Xây dựng, hoàn thiện trình UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh.

- Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Thái Nguyên đã ban hành các Kế hoạch Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thái Nguyên năm 2017; Kế hoạch Phòng ngừa rủi ro thiên tai liên quan đến nước cho trẻ em trong mùa mưa lũ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Triển khai thực hiện tập huấn điều khiển xuống máy; Phương án huy động lực lượng, phương tiện tham gia cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra hoặc sự cố công trình Hồ Núi Cốc.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức tập huấn lái xuồng, bơi tìm kiếm cứu nạn từ ngày 22/5 đến 25/5 cho 118 học viên của Ban chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố, thị xã; Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng xuồng máy cho 30 cán bộ chiến sỹ các phòng chuyên môn từ ngày 27/3 đến 31/3. Tổ chức hiệp đồng tham gia làm nhiệm vụ PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2017. Ban hành các Kế hoạch phân công lực lượng tham gia ứng phó, Phòng chống thiên tai trong thời gian tổ chức kỳ thi THPT Quốc gia và tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2017, Kế hoạch số tổ chức Sở chỉ huy tiền phương Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2017. Ban hành Hướng dẫn về việc thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở đối với cơ quan, đơn vị; quy định hồ sơ thống kê, báo cáo, nội dung phòng cháy, chữa cháy. Quán triệt triển khai thực hiện Chỉ thị của Quân khu 1; Ban hành các Chỉ thị tổ chức tập huấn nâng cao lái xuồng, tìm kiếm cứu nạn năm 2017, Chỉ thị về việc tăng cường công tác Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2017, Chỉ thị về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, Phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2017-2018.

- Đài Khí tượng thủy văn tỉnh đã phát hành 33 bản tin tuần báo khí tượng thủy văn, 11 bản tin thông báo khí tượng thủy văn hàng tháng, 01 bản tin nhận định xu thế thời tiết, thủy văn mùa đông xuân năm 2017-2018, 139 bản tin dự báo và cảnh báo thiên tai, 14 tin lũ trên sông Cầu – sông Công, 62 tin dự báo khí tượng thủy văn hồ Núi Cốc phục vụ cho quá trình khắc phục sự cố thấm thân đập chính hồ Núi Cốc.

- Tỉnh đoàn Thái Nguyên đã triển khai các Kế hoạch phát động hưởng ứng chiến dịch “ Thanh niên tình nguyện” hè 2017; Tăng cường phòng ngừa đuối nước, rủi ro thiên tai liên quan đến nước cho trẻ em trong mùa mưa lũ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên đã chỉ đạo phòng chuyên môn, các trạm khai thác quản lý thủy lợi trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra an toàn đập, hồ chứa, trực ban và sẵn sàng các phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra. Điều tiết xả lũ đối với các hồ chứa đã đầy nước; triển khai thực hiện đảm bảo an toàn và xử lý thấm thân đập chính hồ Núi Cốc.

- Phối hợp với Viễn thông Thái Nguyên triển khai nhắn tin SMS tới số điện thoại các thành viên Ban Chỉ huy để truyền thông tin, chỉ đạo công tác phòng chống ứng phó theo nhiệm vụ được phân công.

- Từ đầu năm 2017 đến nay, UBND tỉnh đã phân bổ 19,82 tỷ đồng hỗ trợ các địa phương, đơn vị kinh phí để phòng, chống thiên tai và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra, cụ thể:

+ Hỗ trợ hộ gia đình ông Phương Thành Thái trú tại phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên bị thiệt hại do mưa lớn ngày 01/7/2016 số tiền là 20 triệu đồng;

+ Hỗ trợ HTX sản xuất rau an toàn Trung Na xã Tiên Hội huyện Đại Từ bị thiệt hại do lốc xoáy đêm ngày 18/3/2017 số tiền là 500 triệu đồng.

+ Phân bổ 19,2 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân năm 2016-2017;

+ Hỗ trợ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 100 triệu đồng mua sắm, sửa chữa phương tiện phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

4. Đánh giá công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017.

Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, các sở, ban, ngành; Lãnh đạo Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; lãnh đạo UBND các huyện, thành phố đã chủ động, phối hợp, kịp thời chỉ đạo công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời đến thăm hỏi, động viên các gia đình có người chết, người bị thương, hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai gây ra và hỗ trợ kinh phí để xoa dịu nỗi đau mất mát, giúp các hộ gia đình bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống.

Tuy nhiên qua các đợt thiên tai gây ra thiệt hại lớn về người và tài sản của nhà nước, nhân dân cho thấy công tác phòng chống thiên tai năm 2017 vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:

- Các cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai tại các cấp chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo, tập huấn.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn trang bị cho các lực lượng, đặc biệt là lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy còn thiếu về số lượng.

- Mạng lưới trạm khí tượng, thủy văn còn thưa, phương tiện đo mưa còn lạc hậu, số liệu mưa tại các điểm đo mưa nhân dân chưa phản ánh đầy đủ quá trình mưa theo thời gian thực.

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã ban hành các Chỉ thị, Công điện, văn bản yêu cầu các địa phương thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, canh phòng, cảnh báo đến người dân tại các khu vực nguy hiểm như ngầm, cầu tràn... Tuy nhiên các địa phương còn chủ quan, thực hiện chưa hiệu quả gây chết người khi có mưa lũ xảy ra.

- Ý thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, lúng túng, bị động khi có thiên tai xảy ra; có tư tưởng chủ quan dẫn đến thiệt hại về người. Công tác huấn luyện nghiệp vụ cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở, dân phòng chưa đạt hiệu quả cao.

- Hệ thống tiêu thoát nước của khu vực TP. Thái Nguyên chưa đồng bộ, một số khu vực bị tắc do rác thải, nhà dân lấn chiếm dẫn đến tiêu thoát nước chưa hiệu quả.

- Dự báo lũ trên hồ Núi Cốc còn gặp nhiều khó khăn do chưa có trạm thủy văn đo đạc dòng chảy đến hồ.

- Quá trình đô thị hóa, khai thác khoáng sản làm biến đổi dòng chảy sông suối.

- Nguồn lực tài chính cho công tác phòng chống, khắc phục thiệt hại do thiên tai tại các địa phương còn hạn chế.

- Một số đơn vị thực hiện chế độ thông tin, báo cáo chưa kịp thời, đầy đủ và chính xác theo quy định.

II. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018.

1. Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và triển khai kế hoạch công tác năm 2018.

2. Thực hiện tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, đốn rét cho cây trồng, vật nuôi vụ Đông – Xuân năm 2017-2018.

3. Rà soát, điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 nâng cao chất lượng, sát với thực tế của mỗi địa phương, theo từng loại thiên tai và từng cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn.

4. Kiện toàn các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp. Tổ chức huấn luyện sử dụng thành thạo các phương tiện, trang thiết bị hiện có; diễn tập ứng cứu sập đổ công trình và tìm kiếm cứu nạn tại địa bàn trọng điểm để nâng cao năng lực cho các lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách.

5. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện tại chỗ, kịp thời sử dụng khi có yêu cầu.

6. Tổ chức kiểm tra toàn bộ hệ thống các công trình đê điều, hồ đập thủy lợi, giao thông và các khu vực trọng điểm trên địa bàn; vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, vùng bị ngập, khu vực lòng hồ và hạ lưu các hồ chứa lớn, các vùng khai thác khoáng sản, các tuyến đường giao thông.

7. Xây dựng các phương án bảo vệ đê điều, hồ, đập phòng, tránh mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đá, đặc biệt là các công trình đang thi công dở dang phải có phương án đảm bảo an toàn.

8. Tổ chức kiểm tra, phát hiện những hư hỏng, có biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời các công trình đê, kè, cống, hồ, đập trước lũ và sau lũ. Sử dụng kinh phí hiệu quả được cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

9. Huy động, vận động mọi nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

10. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh; một số dự án phòng chống thiên tai như trạm đo mưa nhân dân...

11. Tổ chức thu và sử dụng hợp lý Quỹ Phòng chống thiên tai.

12. Tiếp nhận, mua sắm bổ sung và cấp phát vật tư phương tiện phòng chống thiên tai cho các địa phương, đơn vị. Các địa phương, đơn vị bảo quản, sử dụng vật tư, phương tiện theo đúng quy định, sẵn sàng khi có yêu cầu.

13. Cơ quan dự báo khí tượng thủy văn (Đài Khí tượng thủy văn tỉnh) đầu tư trang thiết bị quan trắc, nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo các hình thái thiên tai kịp thời. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (Đài Phát thanh – Truyền hình và Báo Thái Nguyên) tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức về các loại hình thiên tai và phương pháp phòng, tránh, nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về thiên tai; đặc biệt là đối với mưa lớn, giông, sét, lũ quét và sạt lở đất.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh là lực lượng tiền phương, nòng cốt trực tiếp tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tiếp tục duy trì lực lượng, củng cố và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ, sử dụng thành thạo các phương tiện hiện có, đáp ứng các yêu cầu sẵn sàng tham gia ứng phó thiên tai khi có yêu cầu.

15. Tiếp tục thực hiện công tác trực ban tại Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan đơn vị; kịp thời nắm bắt thông tin thời tiết, diễn biến thiên tai chủ động có biện pháp ứng phó khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt là trong mùa mưa bão năm 2018

16. Các tổ chức, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ tham gia, phối hợp để phòng chống thiên tai có hiệu quả: Hội Chữ thập đỏ củng cố phát triển các tổ, đội tình nguyện viên, triển khai thành lập Đội ứng phó thảm họa cấp tỉnh, Đội ứng phó thảm họa cộng đồng theo quy chế tổ chức và hoạt động của Đội ứng phó thảm họa thuộc Hội Chữ thập đỏ; Tổ chức các lớp tập huấn, diễn tập sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cho các Đội tình nguyện viên, thanh niên Chữ thập đỏ xung kích sẵn sàng ứng phó khi có thiên tai xảy ra...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

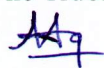
1. Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2014/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở các ý kiến tham gia đóng góp của các Bộ, ngành và địa phương.

2. Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Đề án Nâng cao năng lực quốc gia về phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung vào kiện toàn hoàn thiện bộ máy tại các cấp ở địa phương đặc biệt là các cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai cần phải là cán bộ chuyên trách, được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực và có chế độ phụ cấp đặc thù, phụ cấp thâm niên.

3. Trong những năm gần đây mưa lớn, lũ quét xảy ra thường xuyên, các trường hợp người chết do thiên tai chủ yếu là do lũ quét gây ra. Về lâu dài đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Phòng, chống thiên tai hỗ trợ kinh phí lắp đặt các thiết bị dự báo và cảnh báo thiên tai tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất như các huyện Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ... Tiếp tục quan tâm cấp bổ sung 5 xuồng máy (loại nhỏ 10-25CV) để phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai năm 2018 của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Thái Nguyên đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai xem xét, tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW về PCTT;
- UBQG Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN;
- UBND tỉnh (B/c);
- Trưởng ban, các Phó Trưởng ban;
- Lưu: VT, VPTTr. 

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Ngô Xuân Hải

BIỂU 06/TKTH

Ban hành kèm theo TTTL số: 43/2015TTTL-BNNPTNT-BKHĐT
ngày 23/11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo:

Ban Chỉ huy PCTT và
TKCN tỉnh Thái Nguyên

Đơn vị nhận báo cáo:

BẢNG THỐNG KÊ NGUYÊN NHÂN NGƯỜI CHẾT VÀ MẤT TÍCH DO THIÊN TAI GÂY RA

Loại hình thiên tai: Sét, lũ cuốn

TT	Tỉnh, huyện	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ/quê quán	Nguyên nhân	Thời gian	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1	Huyện Phú Bình	Hoàng Văn Tình	2003		Kinh	Xóm Giữa, xã Úc Kỳ	Sét đánh	Chiều ngày 15/6/2017	
2	Huyện Định Hóa	Lý Hải Lân	1984		Nùng	Xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu	Lũ cuốn	Đêm ngày 07/7	
3	Huyện Định Hóa	Phạm Thị Huế		1985	Kinh	Xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu	Lũ cuốn	Đêm ngày 07/7	
4	Huyện Định Hóa	Lý Hải Phong	2010		Nùng	Xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu	Lũ cuốn	Đêm ngày 07/7	
5	Huyện Định Hóa	Lý Trung Dũng	2013		Nùng	Xóm Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu	Lũ cuốn	Đêm ngày 07/7	
6	Huyện Phú Lương	Mông Thị Phùng		1931	Nùng	Tiểu khu Thợ Lâm, thị trấn Đu	Lũ cuốn	Ngày 13/7	
7	Huyện Phú Bình	Trần Anh Tuấn	1997		Kinh	Phường Bách Quang, TP. Sông Công	Sét đánh	Ngày 03/8	



TT	Tỉnh, huyện	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ/quê quán	Nguyên nhân	Thời gian	Ghi chú
			Nam	Nữ					
8	Huyện Định Hóa	Triệu Văn Mơ	1969		Dao	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	Lũ cuốn	Ngày 25/08	
9	Huyện Đại Từ	Đinh Tiến Tùng	1961		Kinh	xóm 6, xã Cù Vân, huyện Đại Từ	Lũ cuốn	Ngày 25/08	
10	Huyện Võ Nhai	Trần Minh Huân	1988		Kinh	xóm Bắc Thành, xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên	Sét đánh	Ngày 04/9	
11	Thành phố Thái Nguyên	Đỗ Thị Thoa	1972		Kinh	Tổ 2, phường Túc Duyệt, TP Thái Nguyên	Sét đánh	Sáng ngày 03/10	



BIỂU 07/TKTH

Ban hành kèm theo TTTL số: 43/2015TTTL-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo:

Ban Chi huy PCTT và TKCN tỉnh Thái Nguyên

Đơn vị nhận báo cáo:

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2017

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI																	
1,1	NG01	Số người chết:	người		x	7	x		x	4	x		x		x		x	11	x
1.1.1	NG011	Trẻ em	người		x	2	x		x	1	x		x		x		x		x
1.1.2	NG012	Nữ giới	người		x	2	x		x	1	x		x		x		x		x
1.1.3	NG013	Người khuyết tật	người		x		x		x		x		x		x		x		x
1.1.4	NG014	Đối tượng khác	người		x	3	x		x	2	x		x		x		x		x
1,3	NG03	Số người bị thương	người		x		x		x	3	x		x		x		x	3	x
1.3.1	NG031	Trẻ em	người		x		x		x	2	x		x		x		x		x
1.3.2	NG032	Nữ giới	người		x		x		x	1	x		x		x		x		x
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
2,1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái			-	-	24	7.200	14	1.500	-	-	-	-	-	-	38	8.700
2.1.1	NH011	Nhà kiên cố	cái					24	7.200	13	1300								
2.1.2	NH012	Nhà bán kiên cố	cái							1	200								
2,2	NH02	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái	-	-	-	-	8	320	121	605	-	-	-	-	-	-	129	925
2.2.1	NH021	Nhà kiên cố	cái					8	320										
2.2.2	NH022	Nhà bán kiên cố	cái							121	605								
2,3	NH03	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	-	-			230	2.380	56	700	-	-	-	-	-		286	3.080
2.3.1	NH031	Nhà kiên cố	cái					228	2280	56	700								

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
2.3.2	NH032	Nhà bán kiên cố	cái					2	100										
2,4	NH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)		-	-	1	35	41	410	751	2.870	-	-	-	-	-	-	793	3.315
2.4.1	NH041	Nhà kiên cố	cái			1	35	41	410	557	1.890								
2.4.2	NH042	Nhà bán kiên cố	cái							192	960								
2.4.3	NH043	Nhà thiếu kiên cố	cái							2	20								
2,5	NH05	Nhà bị ngập nước	nhà	-	-	635	18.960	-		-	-	-	-	-	-	-	-	635	18.960
2.5.1	NH051	Bị ngập dưới 1m	nhà			184	920											1.104	920
2.5.2	NH052	Bị ngập nước (1-3)m	nhà			451	18.040											18.491	18.040
2,6	NH07	Nhà phải di dời khẩn cấp	cái			274		1										275	
2,7	NH09	Các thiệt hại về nhà ở khác (*)	triệu đồng	x		x	40	x	68	x	50	x		x		x		x	158
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
3,1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm		x	10	x	9	x	11	x		x		x		x	30	x
3,2	GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên	cái			1	30			7	35							8	65
3.2.4	GD024	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái			1	30			1									
3,3	GD03	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị ngập nước	cái			10													
3.3.1	GD031	Bị ngập dưới 1m	cái			10													
3,5	GD05	Các thiệt hại về giáo dục khác (*)	triệu đồng	x		x	50	x		x		x		x		x		x	50
4	YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
4,1	YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)	cái							1	15							1	15
4.1.3	YT013	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái							1	15								
5	VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
5,1	VH01	Công trình văn hoá	cái	-	-	-	-	-	-	4	60	-	-	-	-	-	-	4	60

[illegible]

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
6,3	NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha			129	280			2,5	2978,4							131,2	3.259
6.3.1	NN031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			106	211												
6.3.2	NN032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha							2,5	2978,4								
6.3.3	NN033	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			23	69												
6.3.4	NN034	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha																
6,4	NLN04	Số lượng hoa, cây cảnh các loại	chậu,cây			50													
6,5	NLN05	Diện tích cây trồng lâu năm	ha			19,736	4.015			10,3	2075							30,04	6.090
6.5.1	NLN051	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha																
6.5.2	NLN052	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha			1,4	350			0,3	75								
6.5.3	NLN053	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			18,3	3.660			10	2000								
6.5.4	NLN054	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			0,036	5												
6,7	NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha			7	4.543			9	1200							16,11	5.743
6.7.1	NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			5	3.458												
6.7.2	NLN072	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha							1									
6.7.3	NLN073	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			2	1.085												
6.7.4	NLN074	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha							8	1200								
6,8	NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha			4	1,95			0,32	50							4,2	51,95
6.8.1	NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha																
6.8.2	NLN082	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha																
6.8.3	NLN083	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha																
6.8.4	NLN084	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			4	1,95			0,32	50								
6,9	NLN09	Diện tích rừng trồng tập trung	ha			39,15	2.004							11	500			50,15	2.504
6.9.1	NLN091	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			18,10	1.267												
6.9.2	NLN092	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha											11	500				
6.9.3	NLN093	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			21,05	737												

TT	Ma	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
6.9.4	NLN094	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha																
6,9	NLN09	Diện tích rừng trồng phân tán	ha							0,5	100							0,5	100
6.9.1	NLN091	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha							0,5	100								
6,9	NLN9	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây							26	52							26	52
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
7,1	CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con			4.156	2.215							3	8			4.159	2.223
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	con											1	6				
7.1.2	CHN02	Nai, cừu, dê	con			54	108												
7.1.3	CHN03	Lợn	con			112	112							2	2				
7.1.4	CHN04	Các loại gia súc khác	con			3.990	1.995												
7,2	CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con			22.726	2.273							2700	270			25.426	2.543
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con			22.726	2.273							2700	270				
7,3	CHN03	Các loại vật nuôi khác bị chết, cuốn trôi	con					6											
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
8,4	TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng						1834,5										1.835	4.586
8.4.1	TL041	Chiều dài bị sạt lở, vỡ	m		x		x	1834,5	x		x		x		x		x		x
8.4.2	TL042	Khối lượng đất sạt lở	m3																
8.4.3	TL043	Khối lượng đá, bê tông hư hỏng	m3																
8,4	TL04	Cống						2										2	300
8.4.1	TL041	Cống, bọng bị hư hỏng	cái					2											
8.4.2	TL042	Bọng bị trôi	cái																
8.4.3	TL043	Cống bị trôi	cái																
8,5	TL05	Đập thủy lợi						10										10	7.000
8.5.1	TL051	Đập bị vỡ (ghi rõ tên đập, chiều dài vỡ)	cái																
8.5.2	TL052	Đập bị sạt lở, hư hỏng	cái					10											

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
8,6	TL06	Số trạm bơm	cái					11										11	2.750
8.6.1	TL061	Kiên cố	cái					11											
8.6.2	TL062	Bán kiên cố	cái																
8,7	TL07	Công trình thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng	cái					7										7	6.300
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
9,1	GT01	Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)																	
9.1.1	GT011	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x	7.210	x		x		x		x		x		x	7.210	x
9.1.2	GT012	Chiều dài bị ngập	m		x	1.000	x		x		x		x		x		x	1.000	x
9.1.3	GT013	Khối lượng đất bị sạt lở	m ³					80.635										80.635	8.064
9.1.7	GT017	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm		x		x	16	x		x		x		x		x	16	x
9,2	GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)																	
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x		x	1146	x		x		x		x		x	1.146	x
9.2.2	GT022	Chiều dài bị ngập	m		x	2.060	x		x		x		x		x		x	2.060	x
9.2.3	GT023	Khối lượng đất bị sạt lở	m ³					74.049										74.049	7.405
9.2.4	GT024	Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường hư hỏng	m ³					240										240	100
9.2.5	GT025	Cầu bị hư hỏng	cái					27										27	35.000
9.2.6	GT026	Cống bị hư hỏng	cái			1												1	200
9.2.7	GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm		x		x	199	x		x		x		x		x	199	x
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
10,1	TS01	Diện tích nuôi cá truyền thống																	
10.1.1	TS011	Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	ha			255,68	6.596											255,68	6.596
10.1.1.1	TS0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			144,68	4.340												
10.1.1.2	TS0112	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha			35,25	1.406												
10.1.1.3	TS0113	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			60,96	628	6											

11/11/2023 10:00:00 AM

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng g	Ước thiệt hại (tr.đ \)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
10.1.1.4	TS0114	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			14,79	222												
11	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
11,1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái							10	500							10	500
11,2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái																
11,3	TT03	Nhà trạm	cái							1	500							1	500
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
12,1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	0	0	0	0	0	0	19	350	0	0	0	0	0	0	19	350
12.1.1	CN011	Trung và cao thế	cái							3	150								
12.1.2	CN012	Hạ thế	cái							16	200								
12,2	CN02	Dây điện bị đứt	m	0	0	0	0	0	0	500	35	0	0	0	0	0	0	500	35
12.2.1	CN021	Trung và cao thế	m																
12.2.2	CN022	Hạ thế	m							500	35								
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
14,4	MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	cái			30	150											30	150
15	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	
15,1	CT01	Trụ sở cơ quan	cái							1	30							1	30
15.1.1	CT011	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái																
15.1.2	CT012	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái							1	30								
15.1.3	CT013	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái																
15.1.4	CT014	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái					1											
15,2	CT02	Chợ, trung tâm thương mại	cái							2	80							2	80

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai															
				ATNĐ		mưa lớn, lũ, ngập lụt		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Hạn hán, nắng nóng		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	B	C	I	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	20	21	26	27	28	29
15.2.1	CT021	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái																
15.2.2	CT022	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái							2	80								
15,3	CT03	Nhà kho, phân xưởng	cái/m2																
15.3.2	CT032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái/m2							1									
15,4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác bị thiệt hại (*)	cái																
15,5	CT04	Tường rào, cổng bị đổ, sập, hư hỏng	triệu đồng	x		x	172,3	x	346,5	x		x		x		x		x	518,8
15,6	CT05	Công trình phụ bị hư hỏng	triệu đồng	x		x	60	x		x		x		x		x		x	60
15,7	CT07	Các thiệt hại khác (*)	triệu đồng	x		x	160	x	20	x		x		x		x		x	180
		ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẰNG TIỀN	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x	160.299

Ghi chú:

(*) Liệt kê chi tiết các loại thiệt hại (nếu có)

(x) Bỏ qua không ước giá trị thiệt hại bằng tiền, hoặc số lượng

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Văn Dũng



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Ngô Xuân Hải**

Ban hành kèm theo TTTL số: 43/2015TTLT-BNNPTNT-BKHDĐT
ngày 23/11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và DT

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Thái Nguyên

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH THIẾT HẠİ DO THIÊN TÀI GÂY RA NĂM 2017

TT	Mã	Chỉ tiêu thiết hại	Đơn vị	Địa bàn/Khu vực										Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đông Hỷ	Huyện Bình Lương	Huyện Phú Thọ	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Hòa Bình	Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)	
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI													
1,1	NG01	Số người chết:	người	1	-	-	-	2	1	1	1	1	5	11	x
1.1.1	NG011	Trẻ em	người					1					2	3	x
1.1.2	NG012	Nữ giới	người	1					1				1	3	x
1.1.4	NG014	Đội tượng khác	người					1		1	1	1	2	5	x
1,3	NG03	Số người bị thương	người	-	-	-	-	2	-	-	-	-	1	3	x
1.3.1	NG031	Trẻ em	người					2						2	x
1.3.2	NG032	Nữ giới	người										1	1	x
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng												
2,1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	cái	-	-	-	13	-	4	-	-	-	21	38	8.700
2.1.1	NH011	Nhà kiến cổ	cái				13		3				21		
2.1.2	NH012	Nhà bán kiến cổ	cái						1						
2,2	NH02	Hư hỏng khác (≤70%)	cái	-	-	-	38	-	15	56	-	-	20	129	925
2.2.1	NH021	Nhà kiến cổ	cái						8						
2.2.2	NH022	Nhà bán kiến cổ	cái				38		7	56			20		
2,3	NH03	Thiệt hại nặng từ 30%-50%	cái	6	-	2	2	1	188	81	1	1	5	286	3.080
2.3.1	NH031	Nhà kiến cổ	cái	6			2	1	188	81		1	5		
2.3.2	NH032	Nhà bán kiến cổ	cái			2									
2,4	NH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)		31	6	1	209	265	31	226	-	-	24	793	3.315
2.4.1	NH041	Nhà kiến cổ	cái	31	6	1	17	263	31	226			24		
2.4.2	NH042	Nhà bán kiến cổ	cái				192								
2.4.3	NH043	Nhà thiếu kiến cổ	cái					2							
2,5	NH05	Nhà bị ngập nước	cái	-	-	-	4	-	30	150	-	-	451	635	18.960
2.5.1	NH051	Bị ngập dưới 1m	cái				4		30	150					
2.5.2	NH052	Bị ngập nước (1-3)m	cái										451		
2,6	NH07	Nhà phải di dời khẩn cấp	cái												275

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Địa bàn/Khu vực									Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Bình	huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hóa	Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
2,7	NH09	Các thiệt hại về nhà ở khác (*)	triệu đ	55			13	50				40	x	158
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng										x	
3,1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm	5	1	6	4	4		7		3	30	x
3,3	GD021	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị hư hỏng ($\leq 70\%$)	cái	-	1	1	-	-	-	6	-	-	8	65
3.2.3	GD023	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái							6				
3.2.4	GD024	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái		1	1								
3,3	GD03	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị ngập nước	cái	-	-	-	-	-	-	3	-	2		
3.3.1	GD031	Bị ngập dưới 1m	cái							3		2		
3,4	GD04	Các thiết bị giáo dục ở điểm/trường bị hư hỏng	triệu đ										x	
3,5	GD05	Các thiệt hại về giáo dục khác (*)	triệu đ	50									x	50
4	YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng										x	
4,2	YT011	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị hư hỏng ($\leq 70\%$)	cái							1	-	-	-	15
4.1.2	YT012	Hư hỏng khác	cái											
4.1.3	YT013	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái							1				
5	VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng										x	
5,1	VH01	Công trình văn hoá	cái	-	1	-	-	-	-	3	-	-	4	60
5.1.3	VH03	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái							3			3	
5.1.4	VH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái		1								1	
5,2	VH02	Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh		-	-	-	-	-	-	1	-	1	2	450
5.2.3	VH023	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái							1		1	2	
6	NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM NGHIỆP	triệu đồng										x	
6,2	NLN02	Diện tích lúa bị ảnh hưởng ($\leq 70\%$)	ha	5	18	67	-	414	473	89	-	694	1.760	20.796
6.1.1	NLN011	Diện tích gieo cấy lúa thuận	ha											
6.1.1.1	NLN0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha						271			356		
6.1.1.2	NLN0112	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha							3		155		
6.1.1.3	NLN0113	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			67		245	156	71		182		
6.1.1.4	NLN0114	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	5	18			169	46	15				

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Địa bàn/Khu vực									Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Bình	huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hóa	Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
6.1.2	NLN012	Diện tích gieo cấy lúa lai	ha	-	-	-	-	-	1	-	-	25	26	450
6.1.2.1	NLN0121	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha									16		
6.1.2.2	NLN0122	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha						1					
6.1.2.3	NLN0123	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha									9		
6.1.2.4	NLN0124	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha											
6,2	NLN02	Diện tích mạ	ha	-	-	-	5	-	-	-	-	0	5	5
6.2.1	NLN021	Diện tích mạ lúa thuần	ha											
6.2.1.3	NLN0213	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha				5							
6.2.1.4	NLN0214	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha											
6,3	NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	-	-	-	-	6	55	7	-	63	131	3.259
6.3.1	NN031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha						55			51		
6.3.2	NN032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha							3				
6.3.3	NN033	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha					6		5		12		
6,4	NLN04	Số lượng hoa, cây cảnh các loại	chậu,cây						50					
6,5	NLN05	Diện tích cây trồng lâu năm	ha	-	-	-	0	2	10	18	-	-	30	6.090
6.5.1	NLN051	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha											
6.5.2	NLN052	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha					2						
6.5.3	NLN053	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha						10	18				
6.5.4	NLN054	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha				0,036							
6,7	NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha	-	-	-	-	9	-	-	-	7,11	16	5.743
6.7.1	NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha									4,94		
6.7.2	NLN072	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha					1						
6.7.3	NLN073	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha									2,17		
6.7.4	NLN074	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha					8						
6,8	NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha	-	-	-	-	0	4	-	-	-	4	52
6.8.4	NLN084	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha					0	4					
6,8	NLN08	Diện tích rừng trồng tập trung	ha	-	-	-	-	-	-	11	-	39,15	50	2.504
6.8.1	NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha									18,10		
6.8.2	NLN082	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha											
6.8.3	NLN083	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha							11		21,05		
6,9	NLN091	Diện tích rừng trồng phân tán	ha	-	-	-	0,5	-	-	-	-	-	1	100

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Địa bàn/Khu vực									Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Bình	huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hóa	Số lượng	Ước thiệt hại triệu đồng)
	NLN092	Giảm năng suất	ha											
6.9.2	NLN092	Thiệt hại nặng trên 70%	ha				0,5							
6.10	NLN10	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây	6						20			26	52
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng										x	
7.1	CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con	3	-	-	-	-	116	137	-	3.903	4.159	2.223
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	con	1									1	
7.1.2	CHN02	Nai, cừu, dê	con						4			50	54	
7.1.3	CHN03	Lợn	con	2					112				114	
7.1.4	CHN04	Các loại gia súc khác	con							137		3.853	3.990	
7.2	CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	2.700	-	-	-	-	2.236	13.600	-	6.890	25.426	2.543
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con	2.700					2.236	13.600		6.890	25.426	
7.8	CHN07	Các thiệt hại về chăn nuôi khác (*)	triệu đ				6						x	
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng										x	
8.4	TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng		-	-	100	-	-	15	-	-	1.720	1.835	4.586
8.4.1	TL041	Chiều dài	m			100			15			1.720		x
8.4	TL04	Cống, bọng bị hư hỏng, cuốn trôi	cái										2	300
8.4.1	TL041	Cống, bọng bị hư hỏng	cái			1	1							
8.5	TL05	Đập thủy lợi											10	7.000
8.5.1	TL051	Đập bị sạt lở, hư hỏng khác	cái							3		7		
8.6	TL06	Số trạm bơm bị hư hỏng	cái						3			8	11	2.750
8.6.1	TL061	Kiên cố	cái						3			8		
8.7	TL07	Công trình thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng	cái						2	3		2	7	6.300
8.9	TL09	Các thiệt hại về thủy lợi khác (*)	tr.đồng											x
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng										x	
9.1	GT01	Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)												
9.1.1	GT011	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m									7.210	7.210	x
9.1.2	GT012	Chiều dài bị ngập	m							1.000			1.000	x
9.1.3	GT013	Khối lượng đất	m ³									80.635	80.635	8.064
9.1.4	GT014	Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³										-	
9.1.7	GT017	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm									16	16	x
9.2	GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)												

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Địa bàn/Khu vực									Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đông Hy	Huyện Phú Bình	huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hóa	Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m				100		341	675		30	1.146	x
9.2.2	GT022	Chiều dài bị ngập	m	1.980									1.980	x
9.2.3	GT023	Khối lượng đất	m ³	100				400	17.220			56.329	74.049	7.405
9.2.4	GT024	Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³						240				240	100
9.2.5	GT025	Cầu, cống bị hư hỏng	cái						6	1		20	27	35.000
9.2.6	GT026	Cống bị hư hỏng	cái							1			1	200
9.2.7	GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	5					9	7		178	199	
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng										x	
10,1	TS01	Diện tích nuôi ao, hồ bị thiệt hại	ha	-	-	-	0	-	74	8	-	174	256	6.596
10.1.1	TS011	Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	ha											
1	TS0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha				0		31			113		
2	TS0112	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha						35					
3	TS0113	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha									61		
4	TS0114	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha						7	8				
11	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng										x	
11,1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái							10			10	500
11,2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái											
11,3	TT03	Nhà trạm bị hư hỏng	cái									1	1	500
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng										x	
12,1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	-	-	-	5	-	1	-	-	13	19	350
12.1.1	CN011	Trung và cao thế	cái									3		
12.1.2	CN012	Hạ thế	cái				5		1			10		
12,2	CN02	Dây điện bị đứt	m	-	-	-	500	-	-	-	-	-	500	35
12.2.1	CN021	Trung và cao thế	m											
12.2.2	CN022	Hạ thế	m				500							
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng										x	
14,4	MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	cái						30				30	150
15	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng										x	

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Địa bàn/Khu vực									Tổng	
				TP Thái Nguyên	TP Sông Công	Thị xã Phổ Yên	Huyện Đông Hỷ	Huyện Phú Bình	huyện Phú Lương	Huyện Đại Từ	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hóa	Số lượng	Ước thiệt hại triệu đồng)
15,1	CT01	Trụ sở cơ quan bị hư hỏng	cái	-	-	-	1	-	1	-	-	-	2	30
15.1.1	CT011	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái											
15.1.2	CT012	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái				1							30
15.1.3	CT013	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái											
15.1.4	CT014	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái						1					
15,2	CT02	Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng	cái	-	-	-	1	-	-	1	-	-	2	80
15.2.1	CT021	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái											
15.2.2	CT022	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái				1			1				80
15,3	CT03	Nhà kho, phân xưởng bị hư hỏng	cái/m2											
15.3.1	CT031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái/m2											
15.3.2	CT032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	cái/m2					1						
15,4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác bị thiệt hại	công trình											
15,5	CT04	Tường rào, cổng bị đổ, sập, hư hỏng	Tr đồng					332	80	107			x	519
15,6	CT05	Công trình phụ bị hư hỏng	Tr. đồng					60					x	60
15,7	CT07	Các thiệt hại khác (*)	triệu đ					20		160			x	180
16		CÁC LOẠI THIẾT HẠI KHÁC (*)												-
		TỔNG	triệu đồng										x	160.299

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Dũng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)


KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Ngô Xuân Hải